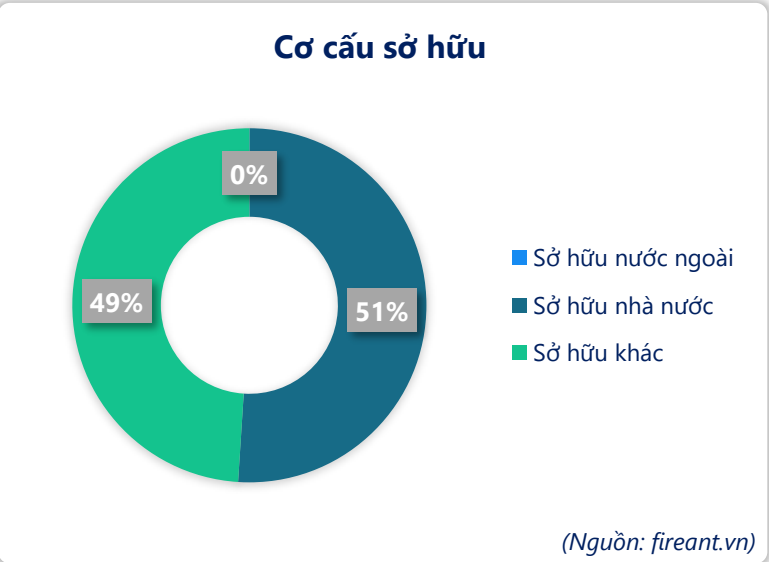
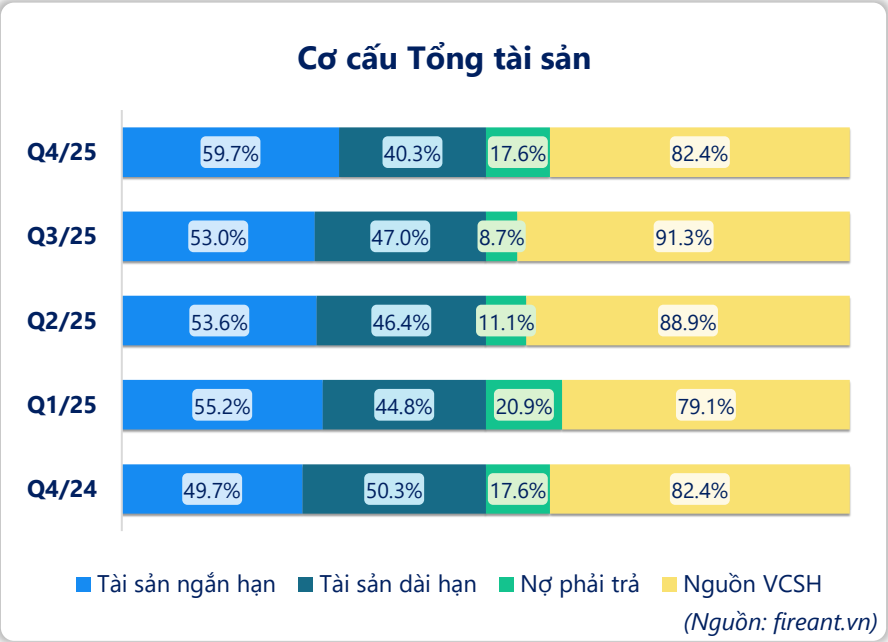
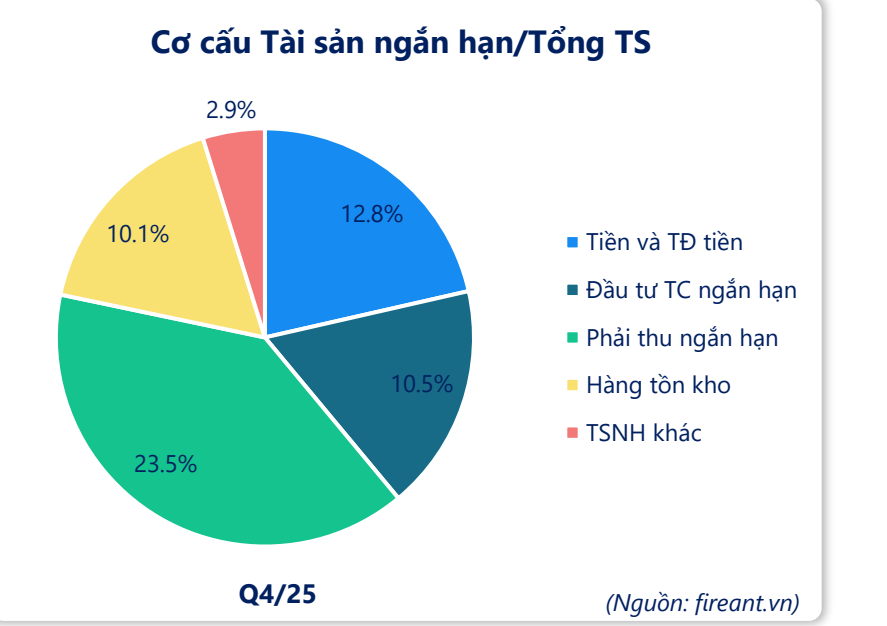
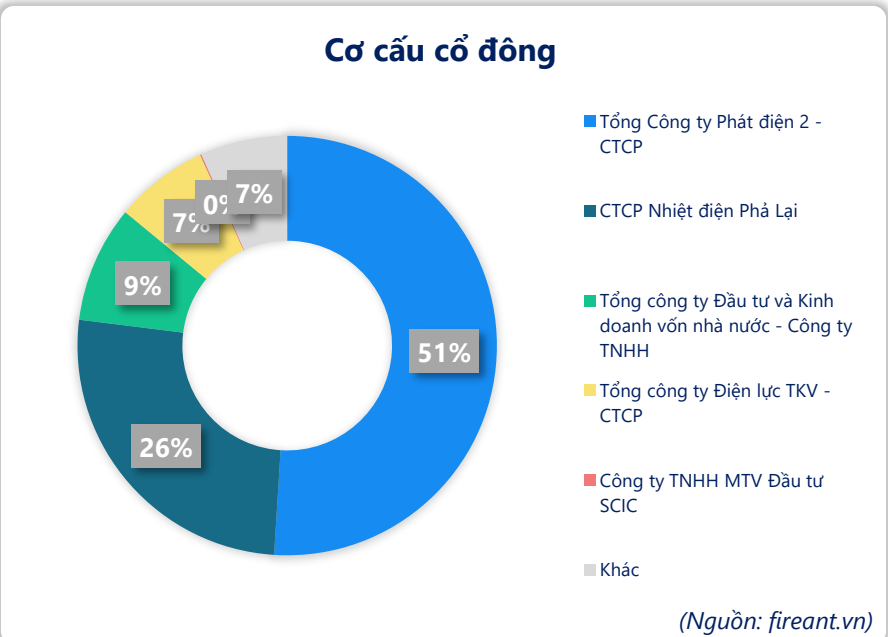
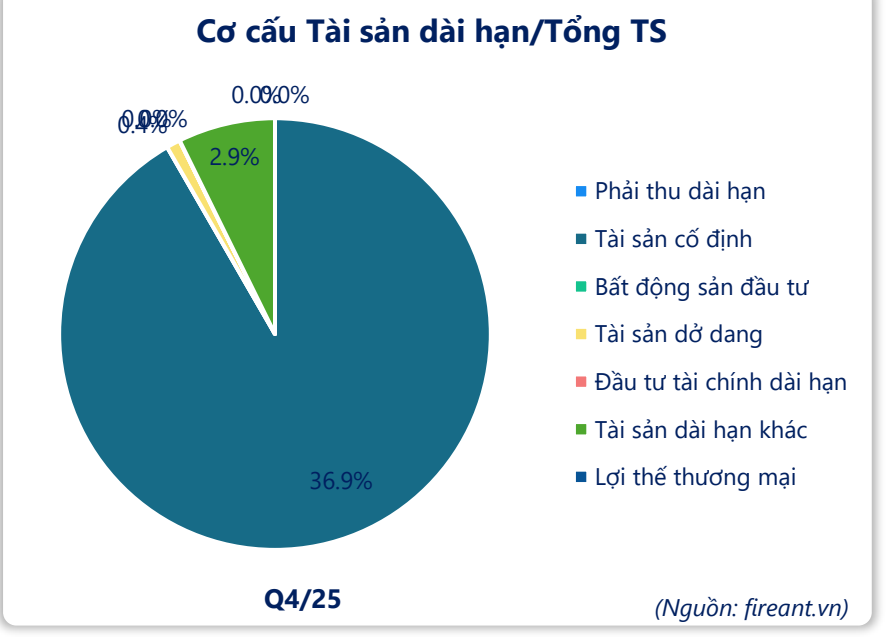
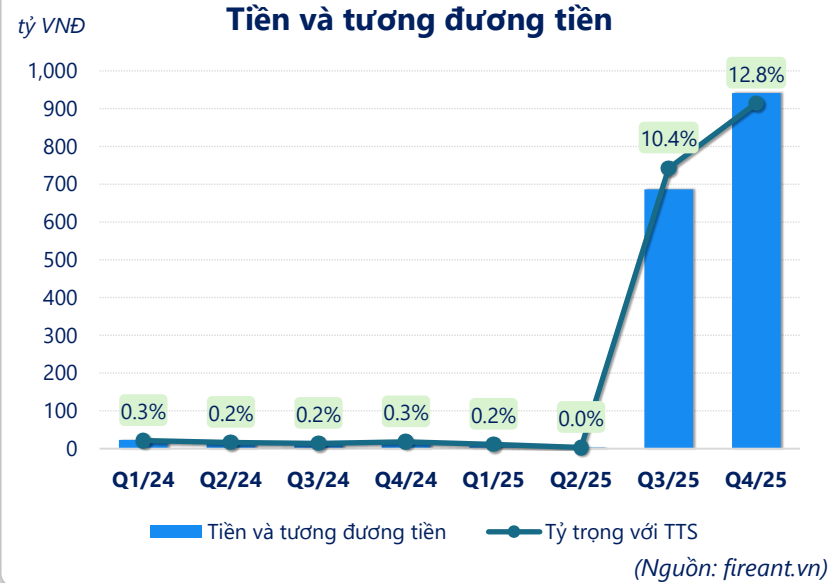
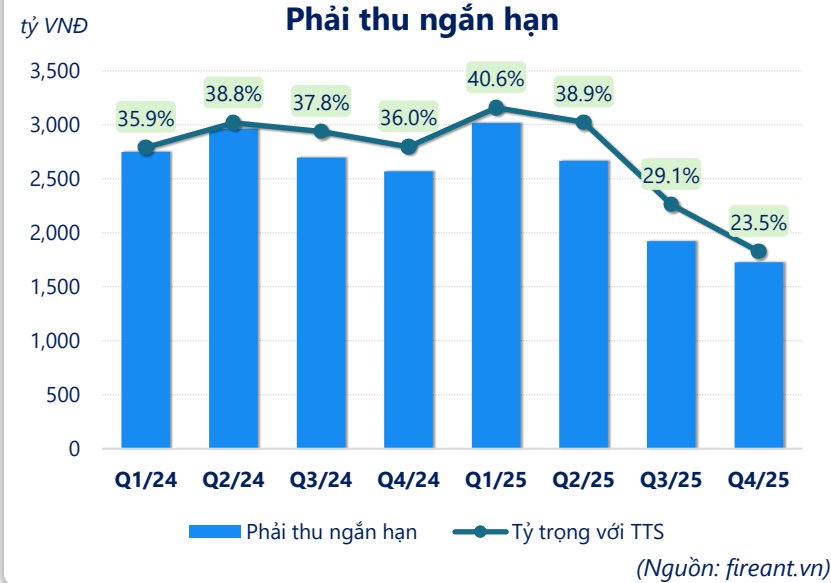
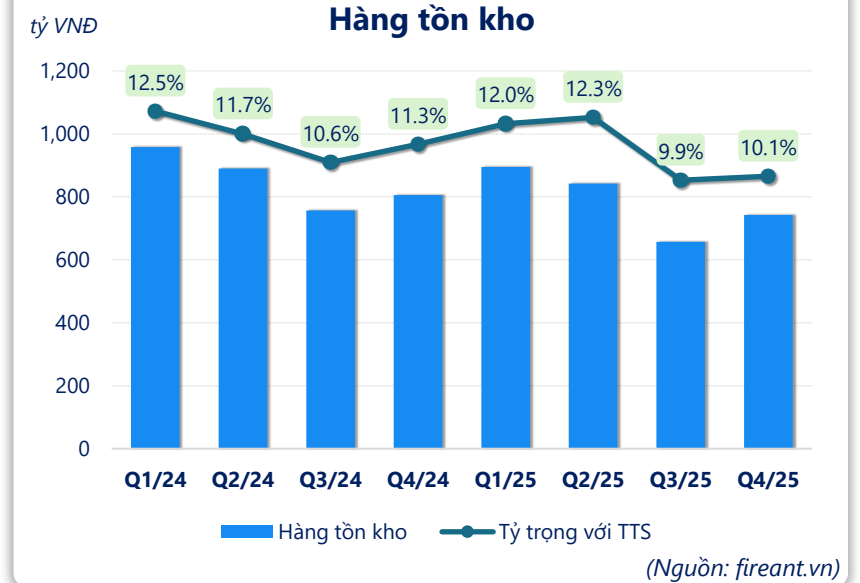
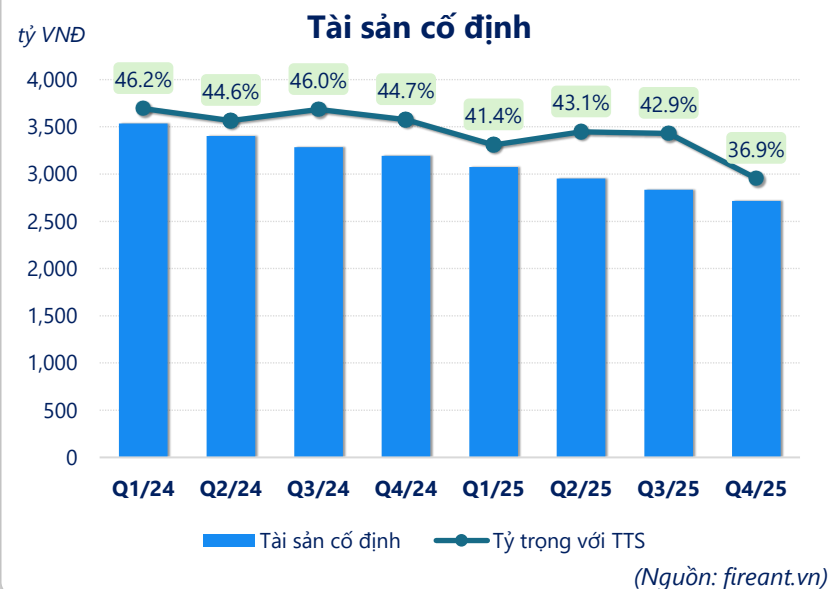
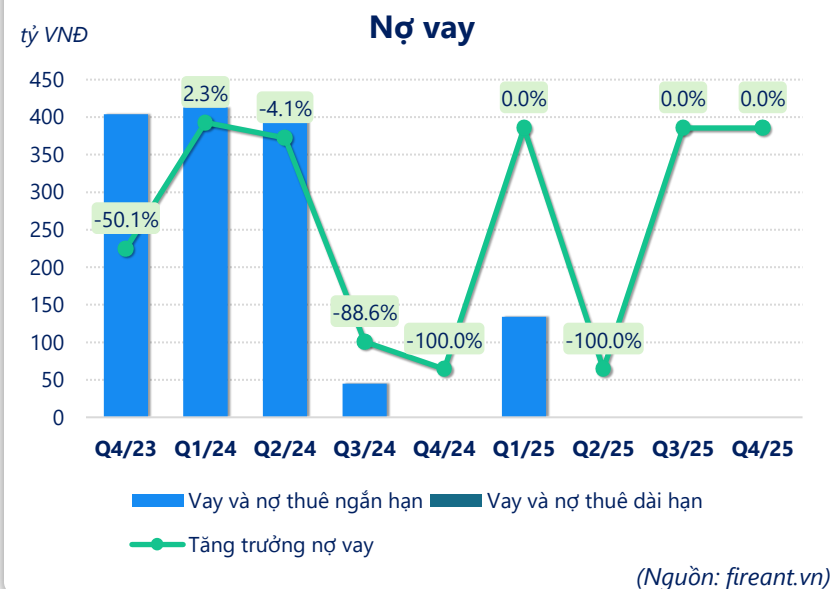
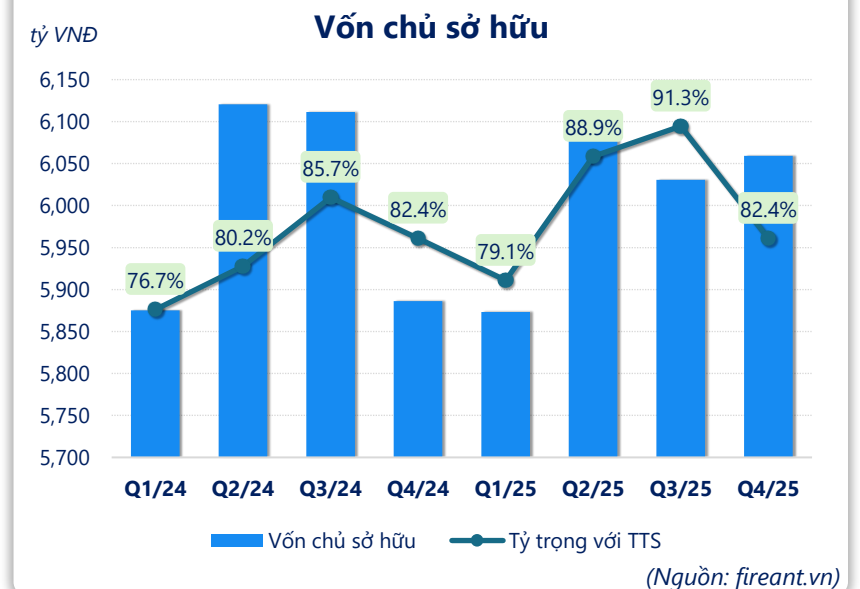
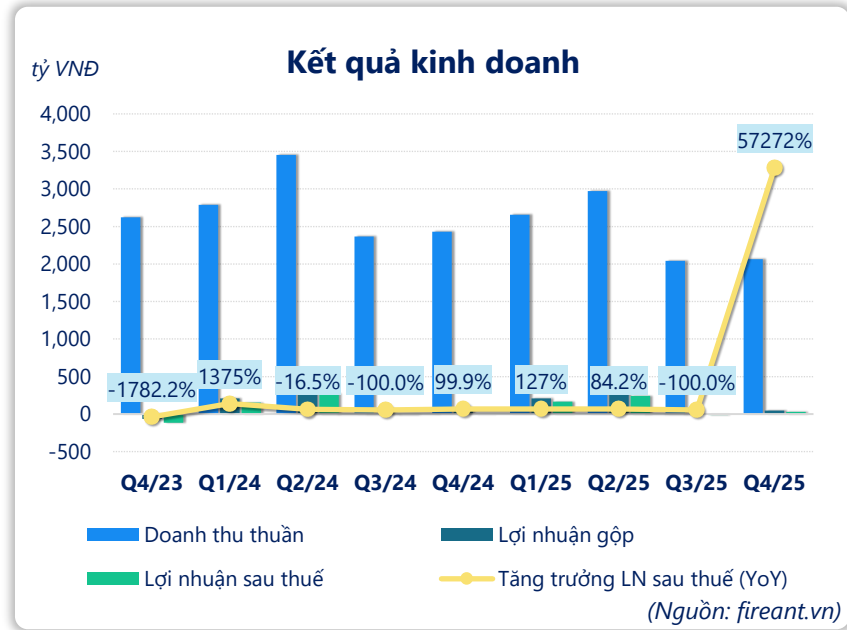
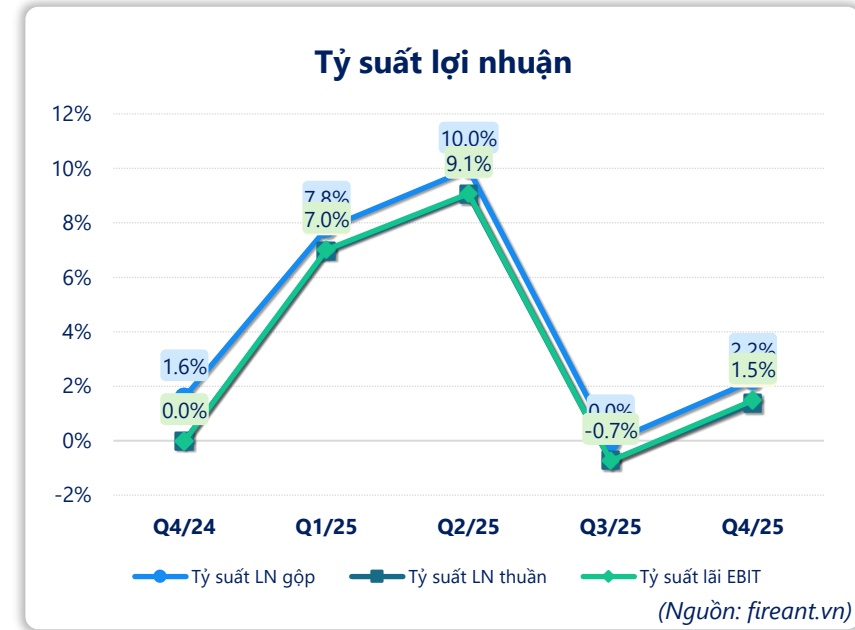
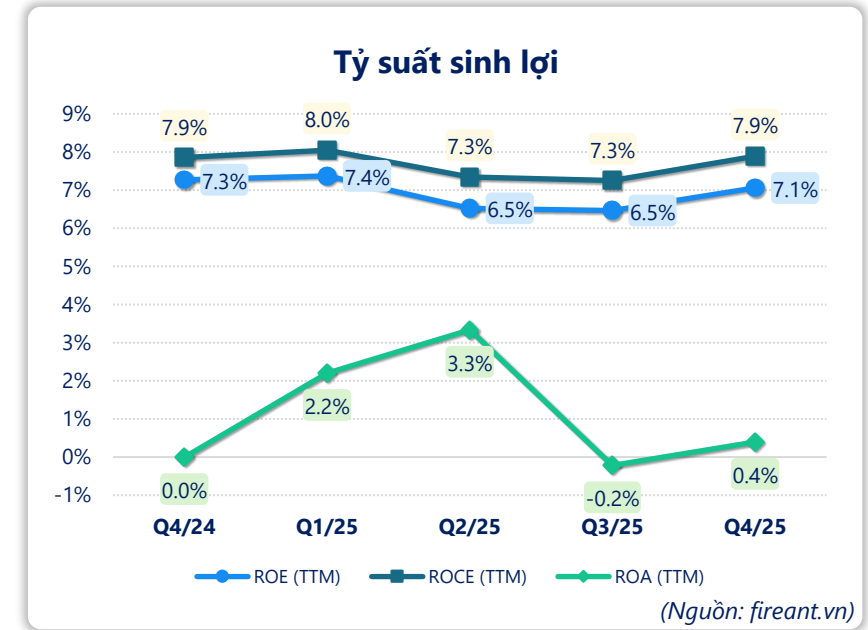
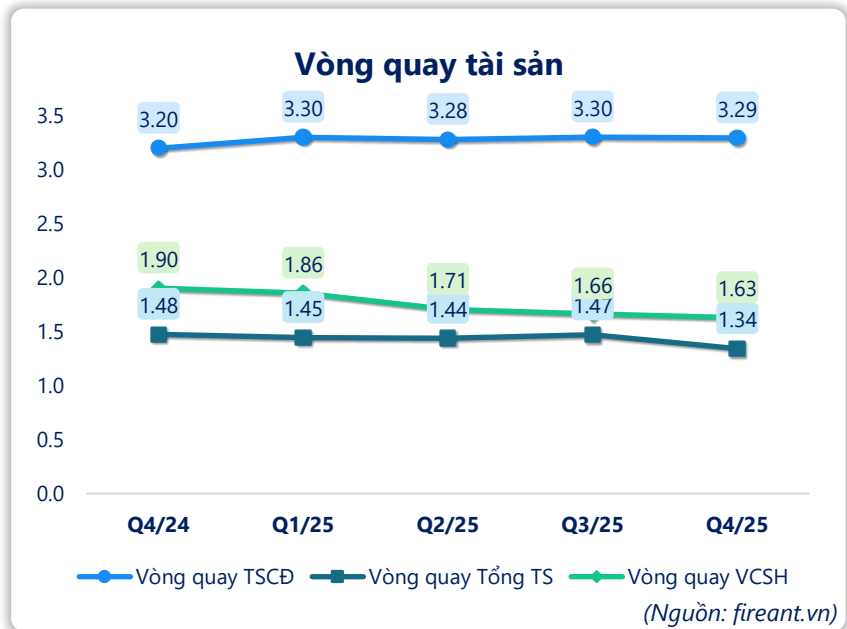
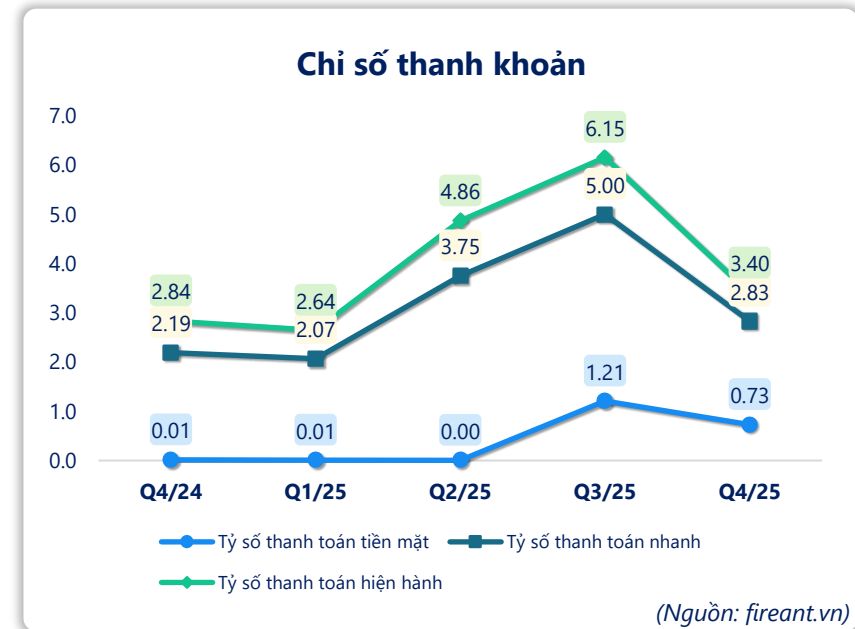
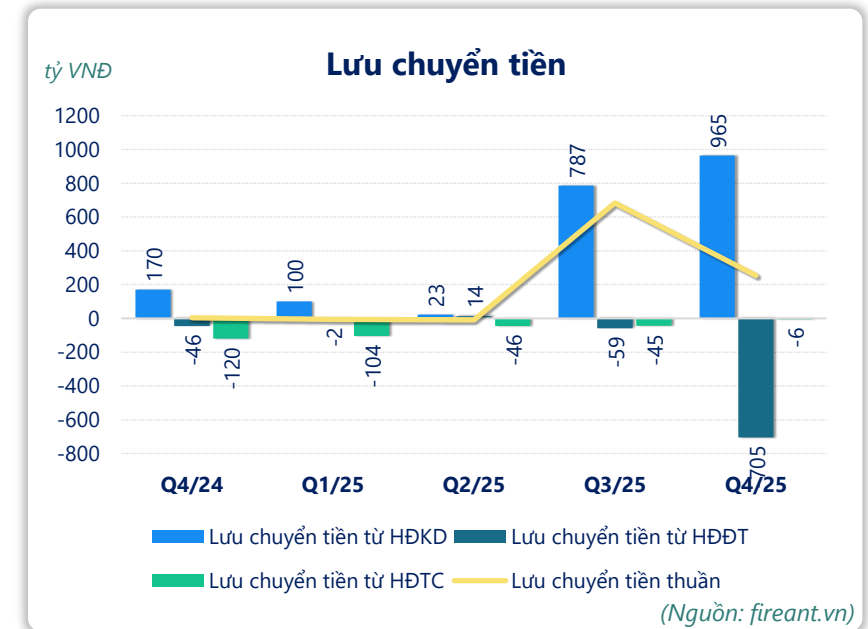


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,793
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,300
SL cổ phiếu LH		500,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		19,260
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,450
P/E		12.9
EPS		843

	YTD	1T	3T	6T
HND	-14.8%	0.0%	-5.2%	-6.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,355	6,980	5.4%
Tài sản ngắn hạn	4,392	3,541	24.0%
Tiền và tương đương tiền	942	18.2	5087%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	770	15.0	5033%
Phải thu ngắn hạn	1,727	2,554	-32.4%
Hàng tồn kho	743	806	-7.8%
Tài sản ngắn hạn khác	211	148	42.3%
Tài sản dài hạn	2,963	3,440	-13.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2,716	3,192	-14.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	30.5	44.6	-31.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	216	202	6.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,295	1,257	3.1%
Nợ ngắn hạn	1,291	1,251	3.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1,172	954	22.9%
Nợ dài hạn	4.37	6.01	-27.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,059	5,723	5.9%
Vốn chủ sở hữu	6,059	5,723	5.9%
Vốn điều lệ	5,000	5,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	2,431	2,657	2,972	2,041	2,061
Giá vốn hàng bán	2,392	2,450	2,676	2,042	2,016
Lợi nhuận gộp	38.9	207	296	-1.01	45.6
Doanh thu HĐTC	0.13	0.13	0.08	2.88	8.26
Chi phí TC	0.01	1.88	0.98	0	0
Chi phí lãi vay	0.01	1.88	0.98	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	39.3	20.5	26.7	16.8	25.7
LN thuần từ HĐKD	-0.33	185	268	-14.9	28.2
Lợi nhuận khác	0.08	-0.20	0.09	-0.12	2.41
LN trước thuế	-0.25	185	269	-15.0	30.6
Lợi nhuận sau thuế	-0.25	166	242	-15.0	28.7
LNST của CĐ cty mẹ	-0.25	166	242	-15.0	28.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	170	99.8	23.0	787	965
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-46.3	-1.56	13.5	-58.7	-705
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-120	-104	-45.5	-44.5	-5.53
Tiền đầu kỳ	14.0	18.2	12.1	3.11	687
Lưu chuyển tiền thuần	4.19	-6.08	-8.96	684	255
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.2	12.1	3.11	687	942

(Nguồn: fireant.vn)